

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀO THỰC TIỄN HIỆN NAY

POLITICAL THOUGHT OF HO CHI MINH ABOUT SOCIAL JUSTICE AND VIETNAM COMMUNIST PARTY'S IMPLEMENTATION AT PRESENT

Phùng Thanh Thủy

Bộ Giáo dục và Đào tạo; pthuy@moet.gov.vn

Tóm tắt - Tiếp thu quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen về công bằng và bình đẳng xã hội, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm của mình về công bằng xã hội (CBXH) phù hợp với những hoàn cảnh và tình huống cụ thể khác nhau của quá trình xây dựng đất nước. CBXH chính là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu người lao động phải nhận rõ mình là người chủ nước nhà và đã có quyền làm chủ, thì phải làm tròn nghĩa vụ làm chủ - đó là cần, kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CBXH đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam cho phù hợp với lịch sử; trong nhiều kỳ Đại hội, luôn xác định vấn đề CBXH là mục tiêu nhất quán của công cuộc đổi mới: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Từ khóa - công bằng xã hội; bình đẳng xã hội; phân phối; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, CBXH trở thành mục tiêu chung của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. CBXH là khát khao cháy bỏng, là nỗ lực vươn tới của con người. Mỗi bước tiến của nền văn minh, tiến bộ nhân loại đều gắn với những thành quả đạt được của con người về CBXH. Tuy nhiên, CBXH lại luôn thể hiện tính đa dạng trong nhận thức và thực thi. Sự đa dạng đó là tất yếu bởi CBXH là phạm trù mang tính lịch sử, tính giai cấp, gắn với truyền thống tư tưởng, văn hóa cũng như trình độ phát triển của các quốc gia, khu vực, các thời đại lịch sử khác nhau. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam để đạt được mục tiêu xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới.

2. Khái niệm công bằng xã hội

Hiện nay, khái niệm CBXH được đề cập hết sức phong phú, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau.

Trong Từ điển Bách khoa Việt Nam, CBXH được định nghĩa dưới góc độ ý thức đạo đức, ý thức pháp quyền, chỉ điều chính đáng, tương ứng với bản chất con người và quyền con người. Khác với khái niệm thiện và ác dùng để đánh giá những hiện tượng riêng rẽ, khái niệm công bằng nêu ra sự tương quan giữa một số hiện tượng theo quan điểm phân phối phúc và họa, lợi và hại giữa người với người. Công bằng đòi hỏi sự tương xứng giữa vai trò của cá nhân (những giai cấp) với địa vị của họ; giữa hành vi với sự đền bù (lao động và thù lao, công và tội, thưởng và phạt); giữa quyền lợi và nghĩa vụ [1].

Tác giả Lê Hữu Tăng đã xem xét CBXH trong tương quan với khái niệm bình đẳng xã hội, cho rằng, CBXH là một dạng biểu hiện cụ thể của bình đẳng xã hội và thực hiện

Abstract - Acquiring the views of Marx and Ph. Anggels on social justice and social equality, Ho Chi Minh presents his own viewpoint of social justice in various contexts and situations of the nation's building process. Social justice is equality in terms of obligations and benefits. Therefore, Ho Chi Minh requires all workers to realize that they are the owners of the country and to be owners, they must fulfil the owner's obligations of building the country, building socialism, constantly improving the material and cultural life of the people, first of all the working people. According to specific historical periods, the Communist Party of Vietnam has applied Ho Chi Minh Thought creatively in practice. In many congresses, the party has determined social justice as the consistent goal of the renewal. It is to build our country into a rich, strong, democratic, equal and civilized one.

Key words - social justice; social equality; distribution; Political thought of Ho Chi Minh; Communist Party of Vietnam.

CBXH chính là thực hiện một phần của bình đẳng xã hội, là thực hiện bình đẳng trên một phương diện nhất định - phương diện quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ [2].

Theo cách hiểu như vậy, *CBXH là một phạm trù lịch sử, phản ánh sự tương xứng giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa năng lực và cơ hội, điều kiện phát triển, giữa tội phạm và sự trừng phạt của cá nhân hay nhóm xã hội. CBXH thể hiện khát vọng của con người và là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội.* CBXH có những đặc trưng cơ bản sau:

- *CBXH là một phạm trù lịch sử.* CBXH là sản phẩm của đời sống xã hội, nó phản ánh quan hệ giữa người với người xung quanh vấn đề lợi ích. Vấn đề phân phối lợi ích trong mỗi chế độ xã hội luôn gắn với một phương thức sản xuất nhất định, phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của phân công lao động xã hội, và quan trọng nhất là tính chất của các quan hệ sản xuất trong phương thức sản xuất đó. Hơn nữa, không chỉ chịu sự tác động bởi điều kiện kinh tế, quan niệm về CBXH còn chịu sự chi phối của các hình thái ý thức xã hội như ý thức chính trị, đạo đức, văn hóa của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Do vậy CBXH luôn có tính lịch sử. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, CBXH được nhìn nhận và giải quyết khác nhau. Đánh giá về vấn đề này, Ăngghen viết: “Công bằng của những người Hy Lạp và La Mã là sự công bằng của chế độ nô lệ. Công bằng của giai cấp tư sản năm 1789 là những đòi hỏi phải xóa bỏ chế độ phong kiến mà nó coi là bất công” [3].

Không thể có một quan niệm, một chuẩn mực “bất di, bất dịch” về CBXH chung cho mọi quốc gia, mọi thời đại, cũng như không thể áp đặt những chuẩn mực về CBXH vượt quá những cơ sở, điều kiện khách quan của lịch sử cho phép.

- *CBXH vừa có tính giai cấp, vừa có tính xã hội.* Mỗi giai cấp, nhóm xã hội khác nhau sẽ có những quan niệm khác nhau về các chuẩn mực CBXH cũng như cách thức thực hiện nó, bởi lẽ, suy cho cùng, địa vị của từng giai cấp, nhóm xã hội trong sản xuất, phân phối và trao đổi sẽ là nhân tố quyết định nhu cầu và lợi ích của họ và từ đó, chi phối quan niệm về công bằng của chính họ. Nói cách khác, nhu cầu và lợi ích trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định sẽ là cơ sở, tiêu chí để hình thành và đánh giá quan niệm về CBXH của mỗi giai cấp.

Tuy nhiên, tính giai cấp của CBXH cũng quy định, trong xã hội quan niệm công bằng của giai cấp thống trị sẽ luôn chi phối quan niệm công bằng chung của toàn xã hội. Mặt khác, CBXH cũng không thể chỉ có lợi cho một giai cấp duy nhất mà lại được toàn thể xã hội chấp nhận, vì rằng, tính giai cấp của CBXH chỉ có thể tồn tại trong tổng thể và dung hòa với ý chí, lợi ích chung của toàn xã hội. Công bằng của từng cá nhân, giai cấp và nhóm người vì thế chưa phải là CBXH thực sự. CBXH còn có tính xã hội, tức là công bằng chung, phổ biến của toàn xã hội, đó là điều kiện, môi trường để tính giai cấp của khái niệm này tồn tại và phát triển. Xã hội càng phát triển, nhu cầu và năng lực thực thi CBXH của người lao động càng cao, càng đòi hỏi sự thống nhất trong thuộc tính giai cấp và thuộc tính xã hội của CBXH.

Như vậy, CBXH là mục tiêu phát triển của xã hội từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, mỗi bước phát triển của CBXH vừa là thước đo, vừa là điều kiện của trình độ văn minh và tiến bộ xã hội.

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về CBXH

Tiếp thu quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen về công bằng và bình đẳng xã hội, đồng thời trực tiếp chứng kiến tất cả những gì xảy ra trong đời sống kinh tế xã hội ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam vào giai đoạn trước cách mạng, Hồ Chí Minh đưa ra khẳng định rằng, trong chế độ xã hội thực dân, phong kiến hoàn toàn không có công bằng và bình đẳng xã hội; rằng, trong xã hội đó, "... nhân dân chỉ có nghĩa vụ, như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu mà không có quyền lợi". Trên thực tế, công nhân và nông dân là lực lượng chủ yếu sáng tạo nên những của cải vật chất trong xã hội và nhờ có sức lao động của họ, xã hội mới tồn tại, phát triển. Song, có một sự vô lý và bất công là những người lao động thì suốt đời nghèo khổ, trong khi một số ít người không lao động thì lại "ngồi mát ăn bát vàng". Giải thích căn nguyên dẫn đến "nỗi chằng công bằng này", Hồ Chí Minh cho rằng, đó là vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những tư liệu sản xuất của xã hội. Đồng thời, Người còn vạch rõ, trong xã hội có giai cấp thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của bọn thống trị là được thoả mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động bị giày xéo.

Từ những đánh giá và nhận định trên, Hồ Chí Minh đưa ra kết luận rằng, công bằng và bình đẳng xã hội thực sự chỉ có được trong xã hội mới; rằng, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, "nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi". Hơn nữa, sự công bằng và bình đẳng của chế độ xã hội chủ nghĩa còn được đảm bảo bằng những cơ sở vững chắc. Điều này thể hiện ở chỗ: "Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những

người lao động... Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ".

Tư tưởng về công bằng và bình đẳng xã hội được Hồ Chí Minh thể hiện một cách sinh động, linh hoạt trong những hoàn cảnh và tình huống cụ thể khác nhau của quá trình xây dựng đất nước. Một điều cần lưu ý là, khi nói đến CBXH, Hồ Chí Minh thường gắn nó với quan niệm về bình đẳng xã hội, mà ở đây chính là mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi. Nói cách khác, Hồ Chí Minh đã coi CBXH chính là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Với quan niệm như vậy, Người đòi hỏi tất cả những người lao động ngày nay đều phải nhận rõ mình là người chủ nước nhà và đã có quyền hạn làm chủ, thì phải làm trọn nghĩa vụ làm chủ - đó là cần, kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, bình đẳng trước hết là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, đồng thời việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và hưởng thụ quyền lợi ấy lại chính là thực hiện CBXH. Từ đó, chúng ta thấy rằng, việc thực hiện một chế độ phân phối công bằng, theo quan niệm của Hồ Chí Minh chính là thực hiện nguyên tắc phân phối, trong đó phần hưởng thụ tương xứng với mức độ đóng góp, cống hiến của từng cá nhân, chứ hoàn toàn không phải là sự ngang bằng về hưởng thụ giữa các cá nhân mà không tính đến sự cống hiến.

Theo Hồ Chí Minh, CBXH chỉ thật sự có được trong chế độ xã hội mới, đó là chế độ dân chủ cộng hoà, một chế độ "nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi". Hơn nữa, sự công bằng của chế độ xã hội chủ nghĩa được bảo đảm bằng cơ sở vững chắc, đó là sự công hữu về tư liệu sản xuất xã hội. Nhân dân lao động là người làm chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, bình đẳng trước hết là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và hưởng thụ quyền lợi đó chính là CBXH.

Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, CBXH là việc *giải quyết quan hệ phù hợp giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ*. Nguyên tắc phân phối thực hiện CBXH chính là nguyên tắc *phân phối theo lao động*. Người nhấn mạnh: "Phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì phân phối nhiều, lao động ít thì phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít" [4, tr.185]. Nguyên tắc phân phối này là điều kiện để đảm bảo cho mọi người có thể phát huy mọi năng lực cống hiến cho xã hội và trước tiên là cho bản thân và mỗi gia đình.

Đề cao CBXH, nhưng Hồ Chí Minh cũng luôn phê phán tư tưởng cào bằng, bình quân chủ nghĩa. Theo Người, bình quân chủ nghĩa sẽ triệt tiêu động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội: "Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng công điểm như nhau, đó là chủ nghĩa bình quân, phải tránh chủ nghĩa bình quân" [5].

Một trong những đặc trưng nổi bật trong phong cách và phương pháp tư duy Hồ Chí Minh là độc lập, tự chủ, sáng

tao, luôn gắn với tình hình lịch sử cụ thể của dân tộc. Ở Việt Nam, do hoàn cảnh đặc thù, phải trải qua các cuộc chiến tranh kéo dài, trong công cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, nhiều người có những đóng góp to lớn, thậm chí bằng sự hy sinh xương máu của mình. Vì vậy, các đối tượng này, theo Người cần phải có sự quan tâm đặc biệt để họ có thể ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng. Trong “Di chúc”, Người đã căn dặn, sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: “Đối với những người dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình,... Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm cách lo cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn,... Đối với cha, mẹ, vợ con (của thương binh, liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ đói rét” [4, tr.503].

Hồ Chí Minh còn quan tâm tới các tập đoàn, lực lượng, các giai cấp xã hội, gắn với những đặc điểm cụ thể, theo Người cũng phải được đối xử công bằng, phải luôn có những chính sách xã hội phù hợp để động viên, khuyến khích họ tích cực tham gia vào sự nghiệp phát triển của đất nước: “Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiến đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn trung thành với Đảng, và Chính phủ, ra sức góp người, góp của, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ. Nay ta đã hoàn thành thắng lợi, tôi có đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào thêm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất” [4, tr.504].

Theo Hồ Chí Minh, CBXH đòi hỏi phải giảm dần sự cách biệt giữa các vùng, miền trong phạm vi cả nước. Phải chú ý xem xét khi phân phối nguồn lực đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, làm giảm bớt sự mất cân đối giữa vùng phát triển và chậm phát triển, rút bớt khoảng cách về mức sống và lối sống trong các tầng lớp nhân dân, làm cho miền núi từng bước tiến kịp miền xuôi.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về CBXH mang nội dung toàn diện, phù hợp với tâm nguyện dân tộc và điều kiện thực tế của Việt Nam, vừa sâu sắc trong cốt lõi khoa học, vừa giản dị, hàm súc. CBXH gắn bó hữu cơ với nhiệm vụ giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu giải phóng dân tộc và giải phóng con người. CBXH trong Tư tưởng Hồ Chí Minh mang giá trị khoa học và nhân bản sâu sắc, luôn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, là cơ sở, kim chỉ nam cho hoạt động cách mạng của toàn Đảng và toàn dân ta trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Thực hiện CBXH là mục đích nhất quán và xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay từ khi thành lập (1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương đi theo con đường chủ nghĩa xã hội với cách hiểu rằng, đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là thực hiện công bằng [6].

CBXH là mục tiêu được xác định ngay từ những ngày đầu bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quan điểm của Đảng về CBXH và nội dung của việc thực hiện CBXH có sự thay đổi qua hai giai đoạn phát triển lớn: thời kỳ trước đổi mới và thời kỳ sau đổi mới đến nay.

Trước đổi mới (1986), vấn đề CBXH mặc dù không được đề cập một cách trực tiếp trong các chủ trương của Đảng, cho đến Đại hội VI đã đặt ra những vấn đề cơ bản về thực hiện tiên bộ, CBXH với mục tiêu “ổn định tình

hình, giải phóng năng lực sản xuất không chỉ là phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật mới mà còn là giải quyết các vấn đề xã hội, từ công ăn việc làm đến đời sống vật chất và văn hóa, bồi dưỡng sức dân, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện CBXH” [7]. Đồng thời, Văn kiện Đại hội khẳng định: “Tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh hợp pháp, có ích cho xã hội. Ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các nguồn thu nhập bất chính... Nghiêm trị những kẻ phạm pháp bất kỳ ở cương vị nào... Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền, đặc lợi” [7, tr.423].

Đại hội VII (năm 1991) diễn ra trong điều kiện nước ta đang trong quá trình tìm tòi, từng bước thử nghiệm những bước đi đầu tiên của sự nghiệp đổi mới, mạnh dạn phát triển kinh tế tri thức trước dư sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh hình thức phân phối cơ bản theo lao động, Đại hội VII thừa nhận các hình thức phân phối khác: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu” [8]. Đây là quan niệm mới về phân phối của Đảng nhằm tiến tới CBXH một cách thực tế, điều này phù hợp với hoàn cảnh của nước ta trong giai đoạn thúc đẩy nền kinh tế, phát huy mọi nguồn lực, nâng cao đời sống nhân dân. Ngoài ra, đến Văn kiện Đại hội VIII (năm 1996), Đảng ta đề cập thêm hình thức phân phối thông qua phúc lợi xã hội, hình thức phân phối này ngoài việc có ý nghĩa mở rộng CBXH còn thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, quan niệm về CBXH không chỉ dừng ở phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, kết quả lao động mà còn thể hiện ở công bằng về cơ hội; “CBXH thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng” [9].

Tới Đại hội IX (năm 2001), nguyên tắc phân phối được Đại hội thông qua đã thể hiện được một nội dung đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn so với các nguyên tắc phân phối được nêu ra trong các văn kiện trước: “Kinh tế tri thức định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội” [9]. Bên cạnh hình thức đóng góp về lao động, vốn thì Đảng ta vẫn tiếp tục khuyến khích các hình thức đóng góp khác cùng với phúc lợi xã hội.

Ngoài việc tiếp tục nhấn mạnh quan điểm về CBXH đã được thể hiện từ các Đại hội trước, Đại hội X đã khẳng định, thực hiện CBXH phải thể hiện trong việc xây dựng và tiến hành mọi chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội: “Thực hiện tiên bộ và CBXH ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội” [9].

Đại hội XII của Đảng trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới đất nước (1986 - 2016) tiếp tục khẳng định: “Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm

định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và CBXH; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và CBXH tiếp tục được xác định là nhiệm vụ và mục tiêu trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo.

CBXH đã được Đảng quan niệm phù hợp với từng giai đoạn lịch sử nhất định, do vậy mà CBXH không chỉ là mục tiêu mà đã thực sự trở thành động lực cho sự tăng trưởng kinh tế. Ở đây, CBXH được hiểu theo hai góc độ: CBXH theo chiều ngang và CBXH theo chiều dọc. CBXH theo chiều ngang nghĩa là đối xử ngang nhau với những người có đóng góp như nhau và CBXH theo chiều dọc nghĩa là đối xử khác nhau đối với những người có những khác biệt bẩm sinh hoặc có điều kiện xã hội khác nhau.

Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay chủ trương thực hiện ngay công bằng trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức. Nhưng trên thực tế thì mục tiêu bảo đảm công bằng vẫn chưa đạt được như mong muốn. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, khoảng cách thu nhập của các tầng lớp dân cư còn lớn. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn, ở vùng đô thị hóa và thất nghiệp ở thành thị còn nhiều. Nguồn lực cho an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn hạn chế với diện bao phủ và mức hỗ trợ thấp [10].

4. Giải pháp thực hiện CBXH ở Việt Nam hiện nay

Để thực hiện mục tiêu CBXH trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta không chỉ giải quyết vấn đề là phân phối theo lao động gắn với công hiến và hưởng thụ, mà là phải phát triển xã hội toàn diện. Các giải pháp kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa phải có sự dính kết như các mắt xích trong hệ thống xã hội lấy con người làm trung tâm; phải giải quyết được mối quan hệ về lợi ích xã hội, lợi

ích cá nhân, cũng như lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế với mục tiêu giải phóng các năng lực của con người, trong đó có năng lực cá nhân và việc thiết lập khối đại đoàn kết dân tộc và quốc tế là những cái tạo ra sự phát triển công bằng bền vững.

5. Kết luận

Trước những thành quả chúng ta đạt được sau 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng đất nước: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, như vậy vấn đề công bằng xã hội sẽ tiếp tục là mục tiêu xuyên suốt gắn với nội dung phát triển kinh tế bảo đảm an sinh xã hội. Điều đó càng minh chứng cho những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về CBXH, những giá trị khoa học trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Trung tâm Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, trang 580.
- [2] Lê Hữu Tăng, “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, Số 1 (200), 2008, trang 39.
- [3] C.Mác – Ăngghen toàn tập, Tập 4, NXB Sự thật, Hà Nội, 1995, trang 327.
- [4] Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [5] Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 66.
- [6] Nguyễn Ngọc Hà, *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về điều kiện thực hiện công bằng trong phân phối*, Hội thảo khoa học quốc tế Tư tưởng của C. Mác về công bằng phân phối và ý nghĩa hiện thời của nó, 2017.
- [7] Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập, tập 47.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội Đảng VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- [10] Nguyễn Tấn Dũng, *Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, Tạp chí Cộng sản điện tử, 24/8/2010, số 16 (208), năm 2010.

(BBT nhận bài: 11/01/2018, hoàn tất thủ tục phản biện: 16/02/2018)